

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**BẢNG MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** : **ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO** : **SƯ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ**  
**LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO** : **CHÍNH QUY**

**HUẾ, 2019**

Tên chương trình :

**Chương trình giáo dục đại học ngành Sư phạm Lịch sử-Địa lý**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

**I. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành sư phạm Lịch sử - Địa lý được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục (2019); Luật Giáo dục đại học (2012); Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung (Luật số 34/2018/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/11/2018);

- Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 04/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa IX, kì họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 hợp nhất Quyết định về quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/04/2015 về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được, sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng thẩm định ban hành CTĐT trình độ đại học;

- Thông tư 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 ban hành Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

- Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Tham khảo CTĐT Geography and History của University of Chester - England và khoá học University of Leeds của Geography and History.

- Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với ngành sư phạm của nhà trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ đại học của các tỉnh, địa phương...

## **II. Chương trình đào tạo**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý có phẩm chất chính trị, nhân cách và sức khỏe tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn vững chắc về khoa học lịch sử, địa lý theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn; có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THCS, cao đẳng và đại học; có khả năng nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học địa lý và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Những kiến thức chung về lý luận chính trị, tâm lý, giáo dục học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và truyền thông.

- Hệ thống kiến thức cơ bản, nâng cao, toàn diện về lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và lịch sử thế giới; nhận thức có tính hệ thống về sự kết nối giữa lịch sử dân tộc, khu vực và lịch sử thế giới, tác động của điều kiện địa lý đối với các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử.

- Hệ thống kiến thức cơ bản và nâng cao có hệ thống về địa lý đại cương, địa lý các châu lục, địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam và thế giới, về các quá trình diễn ra trong môi trường địa lý, về ảnh hưởng của môi trường và tài nguyên thiên nhiên lên sự phát triển kinh tế - xã hội, về sự thích ứng của con người đối với hoàn cảnh môi trường, cũng như về hoạt động cải tạo tự nhiên.

- Hệ thống kiến thức về nghiệp vụ ngành.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

###### **\* Kỹ năng của chuyên môn Lịch sử và Địa lý**

- Kỹ năng của môn Lịch sử như nhận diện và phân tích tư liệu lịch sử; tái hiện và trình bày lịch sử; các kỹ năng tư duy (phân tích, giải thích, so sánh, đánh giá...), kỹ năng vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn trên cơ sở, kết nối quá khứ với hiện tại.

- Kỹ năng của môn Địa lý như kỹ năng nhận thức thế giới theo quan điểm không

gian; kỹ năng tư duy (giải thích, phân tích, so sánh, đánh giá các hiện tượng và quá trình địa lý); kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn và kỹ năng truyền đạt thông tin địa lý; kỹ năng sử dụng các công cụ của địa lý học vào khảo sát thực địa,...

#### **\* Kỹ năng nghiệp vụ**

- Kỹ năng dạy học: kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa; kỹ năng vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn Lịch sử - Địa lý; kỹ năng dạy học tích hợp, phối hợp, dạy học phân hóa môn Lịch sử và Địa lý ở trường THCS...

- Kỹ năng giáo dục: Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục qua dạy học môn học Lịch sử - Địa lý; kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp; xử lý các tình huống giáo dục; tư vấn, tham vấn giáo dục; năng lực hỗ trợ học sinh tự đánh giá; kỹ năng xây dựng các mối quan hệ trong nhà trường và xã hội; xây dựng, thực hiện môi trường giáo dục dân chủ...

- Kỹ năng kiểm tra đánh giá môn Lịch sử và Địa lý, các hoạt động giáo dục...

#### **\* Kỹ năng định hướng phát triển cá nhân**

- Kỹ năng giao tiếp, hợp tác, sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy.

- Kỹ năng tự học, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và tiếp tục học ở bậc học cao hơn, thích ứng với môi trường làm việc, khởi nghiệp.

### **1.2.3. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

- Phẩm chất cơ bản của nhà giáo trong nhà trường Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu người học, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của nhà giáo.

### **1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý có khả năng:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý tại các trường Trung học cơ sở.

- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên môi trường, các dự án dân số, phát triển nông thôn, đô thị hóa...

- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, địa lý, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch...

### **1.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Lịch sử, Địa lý kinh tế xã hội, Địa lý tự nhiên, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Địa lý

- Học đại học ngành thứ hai ngành Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý...

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Chuẩn kiến thức chung toàn Đại học Huế**

C1. Có kiến thức về Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng và nắm vững kiến thức cơ sở về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh.

C2. Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) trong giao tiếp thông thường.

### **2.2. Chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế**

#### **2.2.1. Chuẩn kiến thức**

C3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về ngành được đào tạo; thể hiện được nội dung ngành học theo nhiều cách tiếp cận khác nhau; tích hợp được kiến thức mang tính liên ngành trong dạy học.

#### **2.2.2. Chuẩn kỹ năng**

C4. Lập và quản lý được kế hoạch dạy học và giáo dục dựa trên kiến thức nội dung môn học, người học, cộng đồng và mục tiêu của chương trình;

C5. Áp dụng được các thành tựu của khoa học công nghệ trong giáo dục; Sử dụng được các phương pháp dạy học khác nhau để khuyến khích sự phát triển tư duy, giải quyết vấn đề và các kỹ năng thể hiện của người học;

C6. Hiểu và sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau đảm bảo yêu cầu công khai, công bằng, khách quan, chính xác, toàn diện và phát triển năng lực tự đánh giá của người học; sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh quá trình dạy và học;

#### **2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

C7. Thể hiện được các phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống mẫu mực của người giáo viên. Vận dụng được đường lối, chủ trương, chính sách của nhà nước vào tình hình công tác cụ thể;

C8. Tạo môi trường học tập tương tác trên cơ sở hiểu biết động cơ và hành vi của cá nhân và nhóm, khuyến khích người học chủ động trong học tập và tự tạo động cơ học tập;

C9. Thúc đẩy các mối quan hệ với đồng nghiệp, phụ huynh người học và các cơ quan đoàn thể ở địa phương để hỗ trợ việc học tập của người học;

C10. Có khả năng tìm kiếm và đảm nhận các công việc trong ngành giáo dục và các ngành liên quan phù hợp.

### **2.3. Chuẩn đầu ra của ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý**

#### **2.3.1. Kiến thức**

Sinh viên đạt được:

- *Chuẩn đầu ra 1*: Hệ thống kiến thức khoa học lịch sử và địa lý.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản thuộc khoa học lịch sử, địa lý và khoa học giáo dục lịch sử, địa lý.

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử, địa lý.

+ Phân tích, đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử và rút ra được các bài học/ kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

+ Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lý.

- *Chuẩn đầu ra 2:* Kiến thức phát triển chương trình môn học

+ Trình bày rõ cấu trúc và mục tiêu của chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS.

+ Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình lịch sử phổ thông.

+ Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp để phát triển chương trình đào tạo tiên tiến.

- *Chuẩn đầu ra 3:* Kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học môn Lịch sử, Địa lý; phương pháp dạy học tích hợp.

+ Trình bày rõ nhận thức về lý luận và phương pháp dạy học môn Lịch sử, Địa lý cập nhật.

+ Vận dụng được các phương pháp dạy học hiện đại để tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học lịch sử và địa lý theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- *Chuẩn đầu ra 4:* Kiến thức nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu thuộc khoa học lịch sử, địa lý với nhiều cấp độ, mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

+ Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành được vấn đề nghiên cứu/ đề tài nghiên cứu.

+ Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục lịch sử và vận dụng được trong học tập, tự bồi dưỡng.

*Chuẩn đầu ra 5.* Kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

+ Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

+ Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

### **2.3.2. Kỹ năng**

- *Chuẩn đầu ra 6:* Kỹ năng vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành.

+ Kỹ năng vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý; khoa học giáo dục trong mối liên hệ với dạy học ở phổ thông và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

+ Kỹ năng phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý trong đánh giá chất lượng dạy học của bản thân và đồng nghiệp.

+ Kỹ năng đánh giá, lựa chọn và kết hợp được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý trong việc biên soạn tài liệu dạy - học, thực hiện kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn lịch sử theo yêu cầu của xã hội.

- *Chuẩn đầu ra 7:* Kỹ năng dạy học và giáo dục

+ Kỹ năng vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Kỹ năng vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Kỹ năng xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

- *Chuẩn đầu ra 8:* Kỹ năng định hướng sự phát triển của người học

+ Kỹ năng tiếp cận và hiểu được người học.

+ Kỹ năng đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

+ Kỹ năng xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

- *Chuẩn đầu ra 9:* Kỹ năng tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Kỹ năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp thông thường và hoạt động chuyên môn. Áp dụng được một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp.

+ Kỹ năng đàm phán, thương lượng, thuyết phục, chia sẻ, cùng tham gia, dám chịu trách nhiệm, tiếp nhận, phản hồi và xử lý thông tin trong hoạt động nhóm.

+ Kỹ năng lựa chọn và sử dụng được các hình thức, phương pháp, biện pháp để tổ chức hoạt động nhóm có hiệu quả. Kỹ năng thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.

### **2.3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- *Chuẩn đầu ra 10:*

+ Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

+ Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

+ Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

+ Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

+ Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

+ Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

3. Thời gian đào tạo: **4 năm**

#### **4. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

136 ĐVTC (không kể khối kiến thức Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

5. Đối tượng tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy về công tác tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chỉ tiêu đào tạo dự kiến 3 năm đầu:

- Năm 2019: 60 sinh viên

- Năm 2020: 60 sinh viên

- Năm 2021: 60 sinh viên

#### **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất hai văn bản:

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*

- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Cách thức đánh giá**

Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo tín chỉ, Quy định học vụ hiện hành của của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.



## 8. Nội dung chương trình

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
<b>I. KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>20</b>	
1.	<b>Triết học Mác - Lê nin</b>	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn; góp phần hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng duy vật. Học phần này gồm có 3 chương. Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	(45/0/90)	Khoa Giáo dục chính trị
2.	<b>Kinh tế chính trị Mác - Lê nin</b>	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Cung cấp các kiến thức cơ bản về hàng hóa, thị trường, các quy luật kinh tế cơ bản, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường tự do và các vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	(30/0/60)	Khoa Giáo dục chính trị

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
3.	<b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>	Gồm những kiến thức cơ bản về nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như: dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó giúp người học có khả năng vận dụng hệ thống tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và lập trường tư tưởng vững vàng cũng như xây dựng ý thức trách nhiệm công dân.	(30/0/60)	Khoa Giáo dục chính trị
4.	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	Cung cấp những kiến thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần gồm 6 chương: Đối tượng, khái niệm, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư	(30/0/60)	Khoa Giáo dục chính trị

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>tưởng Hồ Chí Minh (Chương 1); Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 2). Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Chương 3); về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam (Chương 4); về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế (Chương 5); về văn hóa, đạo đức và con người (Chương 6).</p>		
5.	<p><b>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</b></p>	<p>Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các</p>	(30/0/60)	Khoa Giáo dục chính trị

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.		
6.	<b>Tin học</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các nguyên lý chung về máy tính, tin học, mạng internet</li> <li>- Sử dụng thành thạo máy tính</li> <li>- Khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm tin học văn phòng, mạng máy tính phục vụ cho học tập, công tác và cuộc sống.</li> </ul>	2 (15/30/60)	Khoa Tin học
7.	<b>Tiếng Anh A1</b>	<p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>✦ <b>Về mặt ngữ pháp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- personal pronouns, determiners (my, your, ..., that / those), genitive's</li> <li>- simple present of the verb <b>to be</b> and <b>ordinary verbs</b>, have / has got, adverbs of frequency</li> </ul>	2 (30/0/60)	Trường Đại học Ngoại Ngữ

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- articles, there is / there are, some, any, how much, how many; plurals</li> <li>- present perfect, simple past, present continuous; imperatives</li> <li>- comparisons</li> <li>- modal verb: ‘can’ expresses ability</li> <li>- prepositions, used to</li> <li>✦ <b>Về mặt từ vựng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- numbers, names, nationalities, everyday objects, colours, habits, jobs, food and drink, personal relationships, shopping, office equipment</li> <li>- telling the time, days, dates, months and seasons, weather</li> <li>- adjective - noun combinations (collocations); opposites; adjectives to describe people and things</li> <li>- daily routines, leisure time activities, likes and dislikes</li> </ul> </li> <li>✦ <b>Về mặt các kỹ năng:</b></li> </ul>		

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>➤ <b>Nói:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ meeting and greeting people; introducing people</li> <li>+ saying sorry / thanks / please; helping people</li> <li>+ asking for and giving directions, talking about jobs</li> <li>+ welcoming guests and offering drinks</li> </ul> <p>+ telephoning (making contact)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ describing people and things</li> <li>+ asking for help, permission; making suggestions, giving tips; arranging to meet</li> <li>+ talking about business trip; going to restaurant ...</li> </ul> <p>➤ <b>Nghe:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ listening for word stress and individual sounds; intonation</li> <li>+ listening for detail; selective listening; listening for gist.</li> </ul> <p>➤ <b>Đọc:</b> Skimming and scanning.</p> <p>➤ <b>Viết:</b> writing short sentences; writing short dialogues/ short diary / informal letters / short</p>		

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		messages, etc.		
8.	<b>Tiếng Anh A2</b>	<p>Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho SV những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, và viết ở dạng cơ bản và được phát triển, nâng cao từ học phần tiếng Anh cơ bản 1. Với 15 bài học và 5 bài ôn tập của học phần tiếng Anh cơ bản 2 SV sẽ được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ qua các dạng bài tập phong phú. Phần ngữ pháp được lồng ghép qua các dạng bài tập sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh, cách đặt câu hỏi và trả lời, cách sử dụng dạng chủ động, bị động; các hình thức so sánh tính từ...</p>	2 (30/0/60)	Trường Đại học Ngoại ngữ
9.	<b>Tiếng Anh B1</b>	<p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b>  <b>- Về mặt ngữ pháp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Complex question tags</li> <li>❖ Conditionals, 2nd and 3<sup>rd</sup></li> <li>❖ Connecting words expressing cause and effect, contrast etc.</li> </ul>	3 (45/0/90)	Trường Đại học Ngoại ngữ

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Future continuous</li> <li>❖ Past perfect</li> <li>❖ Phrasal verbs, extended</li> <li>❖ Reported speech (range of tenses)</li> <li>❖ Simple passive</li> </ul> <p><b>- Về mặt từ vựng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Collocation</li> <li>❖ Colloquial language</li> <li>❖ Things in the town, shops and shopping</li> <li>❖ Travel and services</li> </ul> <p><b>Kỹ năng</b></p> <p><b>- Nói:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Initiating and closing a conversation</li> <li>❖ Turn-taking</li> <li>❖ Expressing opinions</li> <li>❖ Expressing agreement / disagreement</li> <li>❖ Checking understanding</li> <li>❖ Managing interaction (interrupting, changing topic,</li> </ul>		



TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		resuming...) - Nghe: ❖ Listening for details ❖ Listening for main ideas ❖ Identifying intonation - Viết: ❖ Paragraph writing ❖ Writing a formal letter - Đọc ❖ Scanning for specific details ❖ Skimming for main ideas		
10.	<b>Giáo dục thể chất</b>			Khoa Giáo dục thể chất
11.	<b>Giáo dục quốc phòng</b>			Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM</b>		<b>34</b>	
<b>2.1.</b>	<b>Kiến thức cơ sở chung</b>		<b>16</b>	
12.	<b>Tâm lý học 1</b>	- Hiểu biết cơ bản về các khái niệm, đặc điểm, các quy	2	Khoa Tâm lý - Giáo dục

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		luật cơ bản về tâm lý con người. - Vận dụng sáng tạo những kiến thức đã được học về tâm lý con người để tiếp nghiên cứu và ứng dụng vào trong quá trình dạy học và giáo dục học sinh.	(26/8/60)	
13.	<b>Tâm lí học 2</b>	- Hiểu biết cơ bản về tâm lý về tâm lý sư phạm như sự phát triển tâm lý, nhân cách của học sinh, hoạt động học tập, hoạt động dạy học, dạy học và sự phát triển trí tuệ, các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên. - Vận dụng một cách sáng tạo những kiến thức đã được học về tâm lý sư phạm để tiếp nghiên cứu và ứng dụng vào trong quá trình dạy học và giáo dục học sinh.	2 (26/8/60)	Khoa Tâm lý - Giáo dục
14.	<b>Giáo dục học 1</b>	- Hiểu biết sâu sắc về những vấn đề chung của giáo dục trong xã hội loài người; các quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng, Nhà nước; - Hiểu được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội và con người và các vấn đề cơ bản về quá trình dạy học và quá trình giáo dục ở trường Trung học.	2 (26/8/60)	Khoa Tâm lý - Giáo dục

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		- Vận dụng sáng tạo và hiệu quả những kiến thức đã được học trong quá trình thiết kế giáo án để dạy học và giáo dục học sinh.		
15.	<b>Giáo dục học 2</b>	<p>- Trình bày được vấn đề cơ bản về nhà trường THCS, người giáo viên THCS; công tác chủ nhiệm lớp cũng như việc đánh giá ở trường THCS.</p> <p>- Vận dụng tốt hệ thống lý luận về giáo dục học trong công tác tại đơn vị trường THCS nhằm tạo hiệu quả cao trong hoạt động dạy học và giáo dục sinh.</p>	2 (26/8/60)	Khoa Tâm lý - Giáo dục
16.	<b>Lịch sử văn minh thế giới</b>	Trình bày các nền văn minh chủ yếu của nhân loại từ thời cổ đại cho đến thời hiện đại, từ phương Đông đến phương Tây, thể hiện sự kế thừa, tiếp nhận của nền văn minh sau đối với nền văn minh trước, nhằm làm cho nền văn minh thế giới không ngừng tiến lên phía trước.	<b>60/0/120</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. TS. Nguyễn Tuấn Bình</li> <li>2. ThS. Nguyễn Thị Ty</li> </ol>
17.	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử - Địa lý</b>	<p>- Trình bày được những vấn đề lý luận về khoa học và nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Vận dụng lý thuyết để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục trong môn Lịch sử và Địa lý.</p>	<b>30/0/60</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Đặng Văn Hồ</li> <li>2. PGS.TS. Trần Vĩnh Tường</li> <li>3. PGS.TS. Nguyễn Thám</li> <li>4. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn</li> </ol>

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
18.	<b>Lý luận Sử học</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái quát về tiến trình phát triển của Sử học Việt Nam và Thế giới.</li> <li>- Trình bày được khái niệm về phương pháp, phương pháp luận sử học.</li> <li>- Phân tích được nội dung cơ bản của phương pháp luận Sử học Mác xít (Đối tượng Sử học, nhiệm vụ Sử học, tính Đảng, tính khoa học, phương pháp lịch sử và phương pháp logic) trong nghiên cứu lịch sử.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Đặng Văn Hồ</li> <li>2. PGS.TS. Trần Vĩnh Tường</li> </ul>
19.	<b>Bản đồ học</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những kiến thức cơ bản của khoa học bản đồ; Vận dụng được những kiến thức về khoa học bản đồ để đọc và hiểu bản đồ địa lí;</li> <li>- Phân tích các phép chiếu, các loại kí hiệu bản đồ, phương pháp biểu hiện, các nhân tố và các dạng khái quát hóa bản đồ.</li> <li>- Thiết kế được nội dung và xây dựng bản đồ.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. TS. Lê Văn Tin</li> <li>2. ThS. Mai Văn Chân</li> </ul>
20.	<b>Cơ sở văn hoá Việt Nam</b>	Học phần gồm có 4 nội dung lớn: Một số vấn đề chung về văn hóa học và điều kiện hình thành văn hoá Việt Nam; Diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam; Các vùng	2 (30/0/60)	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		văn hóa Việt Nam; Những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam		
	<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			
	<b>a. Bắt buộc</b>			
	<b>Kiến thức khoa học cơ bản</b>			
21.	<b>Lịch sử thế giới cổ trung đại</b>	- Phân tích được những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ trung đại gồm các vấn đề của xã hội nguyên thủy; sự hình thành và phát triển của xã hội cổ đại ở phương Đông và phương Tây; quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.	<b>45/0/90</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Đặng Văn Chương</li> <li>2. ThS. Nguyễn Thị Ty</li> <li>3. TS. Trần Thị Quế Châu</li> <li>4. ThS. Trần Đình Hùng</li> </ol>
22.	<b>Lịch sử thế giới cận - hiện đại</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận - hiện đại.</li> <li>- Vận dụng kiến thức để giải thích các vấn đề đang diễn ra hiện nay.</li> </ul>	<b>45/0/90</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. ThS. Nguyễn Tuấn Bình</li> <li>2. PGS.TS. Bùi Thị Thảo</li> <li>3. PGS. TS.Lê Văn Anh</li> <li>4. PGS.TS. Lê Thành Nam</li> <li>5. ThS. Lê Thị Quý Đức</li> </ol>

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
23.	<b>Lịch sử Việt Nam cổ trung đại</b>	- Trình bày được một cách hệ thống và toàn diện về tiến trình lịch sử trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, đối ngoại, kinh tế, xã hội, văn hóa của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến hết thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ.	<b>45/0/90</b>	1. ThS. Lê Thị Hoài Thanh 2. TS. Thái Quang Trung
24.	<b>Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại</b>	- Trình bày các vấn đề cơ bản về quá trình thực dân Pháp xâm lược nước ta và công cuộc chống Pháp xâm lược của quân dân Việt Nam; Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX; Phong trào yêu nước chống Pháp theo hai khuynh hướng dân chủ tư sản - vô sản từ 1919 đến năm 1930 và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Phong trào cách mạng từ 1930 đến 1945 và cuộc vận động Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành chính quyền trong cả nước. Cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm (1945-1975) để bảo vệ độc lập dân tộc và thống nhất đất nước; đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và	<b>45/0/90</b>	1. PGS.TS Nguyễn Tất Thắng 2. PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ 3. PGS.TS Hoàng Chí Hiếu 4. TS. Nguyễn Văn Hoa

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>tiến hành công cuộc đổi mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức để giải thích các vấn đề của hiện tại.</li> </ul>		
25.	<b>Các cuộc phát kiến địa lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lý từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII.</li> <li>- Trình bày được hành trình của các cuộc phát kiến địa lý.</li> <li>- Phân tích được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Đặng Văn Chương</li> <li>2. TS. Trần Thị Quế Châu</li> </ol>
26.	<b>Lịch sử quan hệ quốc tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được sự ra đời của quan hệ quốc tế và nội dung của quan hệ quốc tế thời cận đại và hiện đại.</li> <li>- Phân tích tiến trình của lịch sử quan hệ quốc tế.</li> <li>- Đánh giá vai trò các nhân tố quan trọng và các chủ thể lớn, có tác động sâu sắc đến nội dung/ xu hướng vận động của quan hệ quốc tế.</li> </ul>	<b>45/0/90</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Bùi Thị Thảo</li> <li>2. PGS. TS.Lê Văn Anh</li> </ol>
27.	<b>Chủ nghĩa tư bản cận hiện đại</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày quá trình hình thành và lịch sử phát triển của CNTB từ thời cận đại thông qua sự thắng lợi của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với quan hệ sản xuất phong kiến, sự phát triển đưa đến xuất hiện của CNTB hiện đại.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Lê Thành Nam</li> <li>2. PGS.TS. Bùi Thị Thảo</li> <li>3. PGS.TS Lê Văn Anh</li> </ol>

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		- Phân tích ảnh hưởng của cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với CNTB cận - hiện đại; những đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại; các mô hình CNTB hiện đại tiêu biểu; tiềm năng, giới hạn những mâu thuẫn cơ bản và xu hướng vận động của CNTB trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.		
28.	<b>Lịch sử văn minh Việt Nam</b>	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam (Văn minh Văn Lang - Âu Lạc, Văn minh Phù Nam, Văn minh Chăm pa, Văn minh Đại Việt), bao gồm cơ sở hình thành, những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực: Tổ chức chính trị - Nhà nước, sinh hoạt kinh tế - đời sống vật chất, sinh hoạt xã hội - đời sống tinh thần.	<b>30/0/60</b>	1. TS. Thái Quang Trung 2. ThS. Lê Thị Hoài Thanh
29.	<b>Lịch sử ngoại giao Việt Nam</b>	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối đối ngoại của các thể chế ở Việt Nam trong bang giao với các nước trong khu vực và trên thế giới; phương thức tiến hành các mối bang giao đó và những kết quả đạt được qua từng thời kì, nhằm bảo vệ độc lập, chủ	<b>30/0/60</b>	1. ThS. Lê Thị Hoài Thanh 2. PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu



TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		quyền, xây dựng và phát triển đất nước. - Vận dụng kiến thức để liên hệ với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.		
30.	<b>Thực tế lịch sử - địa lý 1</b>	- Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để hiểu hơn về các di tích lịch sử, di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế - Vận dụng kiến thức tìm hiểu đặc điểm phân hóa tự nhiên và tài nguyên tỉnh Thừa Thiên Huế	<b>0/30/60</b>	Khoa Lịch sử - Địa lý
31.	<b>Địa lý tự nhiên đại cương</b>	- Trình bày được các kiến thức cơ bản về Vũ trụ, hệ Mặt trời và Trái đất, các quyển cấu tạo lớp vỏ địa lý của Trái đất (thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển); các qui luật địa lý chung của Trái đất; con người và môi trường, vấn đề sử dụng hợp lý và bảo vệ tự nhiên.	<b>30/15/90</b>	1. TS. Lê Năm 2. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn 3. TS. Nguyễn Đăng Độ
32.	<b>Địa lý kinh tế - xã hội đại cương</b>	- Trình bày được đặc điểm, bản chất, xu hướng thay đổi của môi trường tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư. - Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của chúng đối với	<b>60/0/120</b>	1. TS. Lê Văn Tin 2. ThS. Trần Thị Cẩm Tú

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		các hoạt động kinh tế.		
33.	<b>Địa lý tự nhiên các châu lục</b>	<p>- Trình bày được các đặc điểm về địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, cảnh quan và sự phân hóa tự nhiên trên các lục địa Phi, Nam Mỹ, Australia và các đảo trong Châu Đại Dương, Nam cực, Á - Âu và Bắc Mỹ.</p> <p>- Phân tích được ảnh hưởng của những đặc điểm địa lý tự nhiên này đối với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình khai thác sử dụng tài nguyên trên các châu lục.</p>	<b>45/0/90</b>	<p>1. TS. Lê Phúc Chi Lăng</p> <p>2. TS. Lê Năm</p>
34.	<b>Địa lý kinh tế - xã hội thế giới</b>	<p>- Trình bày được các vấn đề chung liên quan đến cơ sở lý luận của địa lý kinh tế - xã hội thế giới, quá trình biến đổi và các nhân tố ảnh hưởng đến bản đồ chính trị thế giới, lịch sử phát triển kinh tế thế giới qua các thời kỳ dưới góc độ cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và các xu thế phát triển kinh tế thế giới hiện nay.</p> <p>- Nhận xét được tình hình kinh tế - xã hội của một số nước, nhóm nước tiêu biểu.</p>	<b>45/0/90</b>	<p>1. ThS. Trần Thị Cẩm Tú</p> <p>2. TS. Lê Văn Tin</p>
35.	<b>Địa lý tự nhiên Việt Nam</b>	- Trình bày được vị trí địa lý, lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam và sự hình thành khoáng sản; đặc điểm	<b>45/0/90</b>	<p>1. TS. Lê Năm</p> <p>2. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn</p>

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>địa hình, các kiểu địa hình chủ yếu; khí hậu Việt Nam và sự phân hoá đa dạng của khí hậu; đặc điểm chung của sông ngòi và các hệ thống sông chính của Việt Nam; đặc điểm hải văn Biển Đông; đặc điểm chung của Thổ Nhuỡng và các loại đất chính; đặc điểm chung của giới sinh vật và các kiểu thảm thực vật chính; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- Phân tích được các qui luật phân hóa và các vùng địa lý tự nhiên ở Việt Nam.</p>		3. TS. Lê Văn Ân
36.	<b>Địa lý kinh tế Việt Nam</b>	- Trình bày được những vấn đề chung về tự nhiên Việt Nam (đặc điểm chung của tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên), địa lý dân cư (dân cư, kết cấu dân số, chất lượng cuộc sống, phân bố dân cư, quần cư - đô thị hóa) và các ngành kinh tế chủ yếu của Việt Nam (công nghiệp, nông - lâm - ngư nghiệp, dịch vụ).	<b>60/0/120</b>	1. ThS. Trần Thị Cẩm Tú 2. TS. Lê Văn Tin
37.	<b>Đô thị thế giới và Việt Nam</b>	- Trình bày được những vấn đề chung về đô thị (khái niệm, đặc điểm, vai trò, lịch sử phát triển, phân loại đô thị), quá trình đô thị hóa và vấn đề tổ chức không gian	<b>30/0/60</b>	1. ThS. Trần Thị Cẩm Tú 2. TS. Lê Văn Tin

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>đô thị trên thế giới và Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ với sự phát triển của đô thị hiện nay.</li> </ul>		
38.	<b>Biển đảo Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm chung và vai trò của biển đảo đối với tự nhiên và phát triển KT-XH Việt Nam; các đặc điểm địa chất và địa hình; khí tượng và hải văn Biển Đông; hệ thống đảo ven bờ và các quần đảo ở Biển Đông Việt Nam; tài nguyên biển đảo Việt Nam; vấn đề sử dụng hợp lý và bảo vệ biển đảo Việt Nam.</li> <li>- Phân tích được quá trình thiết lập chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.</li> <li>- Rút ra được những bài học kinh nghiệm cho hiện nay.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<p>1.PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn 2. TS. Lê Năm</p>
39.	<b>Thực tế lịch sử - địa lý 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hành tại các điểm nghiên cứu liên quan đến các kiến thức địa lý tự nhiên (địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, cảnh quan) và địa lý kinh tế - xã hội (công nghiệp, du lịch, thương mại, giao thông vận tải, dân cư, đô thị...) ở các địa phương khác nhau</li> <li>- Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để hiểu hơn về</li> </ul>	<b>0/30/60</b>	Khoa Lịch sử - Địa lý

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		các di tích lịch sử, di tích lịch sử cách mạng.... ở các địa phương khác nhau.		
	<b>Kiến thức nghiệp vụ</b>			
40.	<b>Tích hợp và phân hóa trong dạy học Lịch sử- Địa lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được nguyên nhân phải dạy học tích hợp - phân hóa; xu thế quốc tế về dạy học tích hợp và phân hóa.</li> <li>- Phân tích thực trạng tích hợp và phân hóa ở chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam; phương án tích hợp và phân hóa trong chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam sau 2018.</li> <li>- Vận dụng tích hợp - phân hóa trong dạy học lịch sử, địa lý.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. TS. Nguyễn Đức Cường</li> <li>2. PGS.TS. Đặng Văn Hồ</li> <li>3. ThS. Nguyễn Thị Hiền</li> <li>4. ThS. Cao Thị Hoa</li> </ul>
41.	<b>Hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử - Địa lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những vấn đề lý luận liên quan đến tổ chức hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Tổ chức hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>	<b>0/60/120</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. TS Nguyễn Đức Cường</li> <li>2. ThS. Trần Thị Hải Lê</li> <li>3. ThS. Nguyễn Thị Hiền</li> <li>4. ThS. Cao Thị Hoa</li> </ul>
42.	<b>Phát triển chương trình giáo dục</b>	- Trình bày được các khái niệm cơ bản như chương trình giáo dục, phát triển chương trình, các cách tiếp cận trong việc xây dựng chương trình, thiết kế và tổ	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS Trần Vĩnh Tường</li> <li>2. PGS.TS. Đặng Văn Hồ</li> <li>3. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ</li> </ul>

<b>TT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)</b>	<b>Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách</b>
	<b>Lịch sử - Địa lý</b>	chức chương trình. - Phân tích chương trình giáo dục Lịch sử và Địa lý (2018).		4. ThS. Nguyễn Thị Hiền
43.	<b>Đánh giá kết quả trong dạy học Lịch sử - Địa lý</b>	- Trình bày được các vấn đề lý luận liên quan đến kiểm tra – đánh giá. - Thực hành các hình thức kiểm tra – đánh giá trong dạy học Lịch sử, Địa lý THCS.	<b>30/0/60</b>	1. TS. Nguyễn Đức Cường 2. PGS.TS. Đặng Văn Hồ 3. ThS. Nguyễn Thị Hiền 4. ThS. Cao Thị Hoa
44.	<b>Rèn luyện NVSP thường xuyên</b>	- Vận dụng kiến thức lý thuyết để rèn luyện các nghiệp vụ sư phạm giao tiếp với học sinh, trình bày bảng, phát triển chuyên môn bản thân và một số nghiệp vụ sư phạm về dạy học...	<b>0/90/180</b>	1. ThS. Trần Thị Hải Lê 2. TS. Nguyễn Đức Cường 3. ThS. Nguyễn Thị Hiền 4. ThS. Cao Thị Hoa
45.	<b>Thực hành dạy học</b>	- Vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hành các loại bài học Lịch sử và Địa lý.	<b>0/60/120</b>	1. TS. Nguyễn Đức Cường 2. ThS. Trần Thị Hải Lê 3. ThS. Nguyễn Thị Hiền 4. ThS. Cao Thị Hoa
46.	<b>Lý luận dạy học Lịch sử - Địa lý</b>	- Trình bày được các đặc điểm của môn Lịch sử - Địa ở THCS; nguyên tắc dạy học và phát triển phẩm chất năng lực qua môn Lịch sử Địa lí THCS cho HS; hình	4 (60/0/90)	1. PGS.TS. Đặng Văn Hồ 2. ThS. Trần Thị Hải Lê 3. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>thức và phương pháp dạy học phát huy phẩm chất năng lực môn Lịch sử - Địa lí; phương tiện dạy học môn Lịch sử - Địa lí</p> <p>- Phân tích định hướng kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí .</p>		4. ThS. Nguyễn Thị Hiền
47.	<b>Phương pháp dạy học Lịch sử - Địa lý</b>	<p>- Trình bày được khái niệm, phân loại phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và hệ thống phương pháp dạy học lịch sử, địa lý, ...,</p> <p>- Thực hành được thiết kế kế hoạch bài dạy.</p> <p>- Vận dụng được các phương pháp dạy học lịch sử - địa lý vào thực tiễn.</p>	4 (60/0/120)	<p>1. PGS.TS. Nguyễn Thành Nhân</p> <p>2. ThS. Trần Thị Hải Lê</p> <p>3. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ</p> <p>4. ThS. Nguyễn Thị Hiền</p>
	<b>b. Tự chọn (THEO NHÓM)</b>			
	<b>Nhóm 1: Lịch sử (Chọn 2 trong 6 học phần)</b>			
48.	<b>Nhân học đại cương</b>	<p>- Trình bày được những kiến thức cơ bản, có hệ thống về những vấn đề cơ bản của nhân học.</p> <p>- Vận dụng được lí thuyết nhân học vào việc nghiên cứu những vấn đề tộc người và văn hóa tộc người.</p>	<b>30/0/60</b>	<p>1. TS. Trần Thị Quế Châu</p> <p>2. ThS. Trần Đình Hùng</p>
49.	<b>Phương pháp nghiên</b>	- Trình bày được những vấn đề lý luận về nghiên cứu	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Thành Nhân

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
	<b>cứu và giảng dạy lịch sử địa phương</b>	lịch sử địa phương. - Vận dụng để thiết kế bài học lịch sử địa phương.		2. ThS. Trần Thị Hải Lê
50.	<b>Các cuộc cải cách trong lịch sử thế giới</b>	- Phân tích nội dung các cuộc cải cách tiêu biểu ở một số quốc gia, khu vực trên thế giới. - So sánh được những điểm tương đồng và dị biệt trong quá trình các cuộc cải cách ở mỗi quốc gia.	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Lê Thành Nam 2. ThS. Lê Thị Quý Đức
51.	<b>Một số vấn đề triều Nguyễn trong lịch sử</b>	- Đánh giá về một số vị vua triều Nguyễn để thấy được vai trò của họ trong lịch sử. - Phân tích thái độ của triều Nguyễn trước hành động xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây nói chung và thực dân Pháp nói riêng. - Nhận xét về đóng góp cũng như hạn chế của vương triều Nguyễn đối với lịch sử dân tộc	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng 2. PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ
52.	<b>Kinh tế Việt Nam thời cận hiện đại</b>	- Trình bày cơ sở và quá trình phát triển của kinh tế Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến 2015. - Nhận xét được những nét nổi bật, thành tựu và hạn chế của kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử: 1858-1945, 1945-1954, 1954-1975.	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ 2. PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu



TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
53.	<b>Phong trào đô thị ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những vấn đề liên quan đến phong trào đô thị miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) như nguyên nhân, mục tiêu, diễn biến, phương pháp, biện pháp, kết quả, tính chất, đặc điểm và ý nghĩa lịch sử.</li> <li>- Đánh giá được tính đúng đắn về chủ trương của Đảng và sự sáng tạo của nhân dân đô thị trong cách mạng miền Nam (1954 - 1975).</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS Lê Cung</li> <li>2. TS. Nguyễn Văn Hoa</li> </ul>
<b>Nhóm 2: Địa lý (Chọn 2 trong 6 học phần)</b>				
54.	<b>Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các kiến thức cơ bản về khí hậu, biến đổi khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam; các tai biến tự nhiên liên quan đến biến đổi khí hậu (bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng).</li> <li>- Đánh giá được tác hại của biến đổi khí hậu đến đời sống, hoạt động kinh tế - xã hội của con người.</li> <li>- Đề xuất được các giải pháp phòng chống, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn</li> <li>2. TS. Lê Năm</li> </ul>
55.	<b>Địa lý địa phương</b>	- Trình bày được các vấn đề liên quan đến địa lý địa	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ

<b>TT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)</b>	<b>Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách</b>
		phương. - Thực hành biên soạn tài liệu và dạy học địa lí địa phương ở nhà trường phổ thông.		2. ThS. Nguyễn Thị Hiền
56.	<b>Phương tiện dạy học địa lí</b>	- Trình bày được đặc điểm, chức năng và kỹ thuật sử dụng mỗi loại phương tiện dạy học trong môn Địa lí theo hướng phát triển năng lực học sinh. - Phân tích được kỹ thuật sử dụng mỗi loại phương tiện dạy học trong môn Địa lí.	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ 2. ThS. Nguyễn Thị Hiền
57.	<b>Thiết kế bài dạy học địa lí ở trường phổ thông</b>	- Trình bày được quy trình thiết kế bài dạy học địa lí theo định hướng phát triển năng lực trên cơ sở lí luận dạy học hiện đại. - Vận dụng lý thuyết để thiết kế kế hoạch dạy học cho từng loại bài.	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ 2. ThS. Nguyễn Thị Hiền
58.	<b>Hệ thống thông tin địa lí</b>	- Trình bày được những kiến thức về hệ thống thông tin địa lí - GIS bao gồm các khái niệm, các hợp phần của hệ thống, lịch sử hình thành và phát triển, phương pháp tổ chức và quản lí thông tin, ứng dụng. - Sử dụng phần mềm để trình bày thông tin dưới dạng	<b>30/0/60</b>	1. TS. Lê Văn Tin 2. ThS. Mai Văn Chân

<b>TT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)</b>	<b>Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách</b>
		bản đồ phục vụ học tập và giảng dạy.		
59.	<b>Địa lý thủy văn</b>	- Trình bày được hệ thống kiến thức cơ bản về thủy văn như khái niệm thủy quyển, các dạng nước trong thiên nhiên, tuần hoàn nước, nước trên lục địa, nước trong các biển và đại dương.	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn 2. TS. Lê Năm
<b>Nhóm 3: tích hợp liên môn Lịch sử và Địa lý (Chọn 2 trong 4 học phần)</b>				
60.	<b>Địa lý - lịch sử - văn hóa Đông Nam Á</b>	- Trình bày được những hiểu biết những kiến thức cơ bản về điều kiện địa lý - tự nhiên của khu vực Đông Nam Á và tiến trình lịch sử Đông Nam Á. - Phân tích được những đặc trưng của khu vực và xu thế phát triển của các nước khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay.	<b>30/0/60</b>	1. PGS.TS. Đặng Văn Chương 2. ThS. Trần Đình Hùng
61.	<b>Giáo dục di sản trong dạy học Lịch sử và Địa lý</b>	- Trình bày được những vấn đề lý luận về quan niệm về giáo dục di sản trong dạy học Lịch sử và Địa lý. - Phân tích được một số yêu cầu, hình thức tổ chức và biện pháp giáo dục di sản trong dạy học Lịch sử và Địa lý.	<b>30/0/60</b>	1. ThS. Trần Thị Hải Lê 2. TS Nguyễn Đức Cường
62.	<b>Địa lý du lịch</b>	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Địa lí du	<b>30/0/60</b>	1. TS. Lê Văn Tin

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		<p>lịch như các khái niệm, những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch, các loại hình du lịch, xu hướng phát triển và phân bố du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch.</p> <p>- Liên hệ với việc nghiên cứu các vấn đề liên quan về du lịch Việt Nam.</p>		2. ThS. Trần Thị Cẩm Tú
63.	<b>Toàn cầu hóa - khu vực hóa</b>	<p>- Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, tiến trình, ý nghĩa, vai trò... của toàn cầu hoá, khu vực hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia; sự hình thành, vai trò cũng như tác động của các liên minh kinh tế, chính trị quốc tế đến tiến trình hội nhập quốc tế của các quốc gia; cách thức và điều kiện để các quốc gia tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế một cách hiệu quả.</p> <p>- Nhận xét về những thời cơ và thách thức của Việt Nam.</p>	<b>30/0/60</b>	<p>1. TS. Lê Văn Tin</p> <p>2. ThS. Mai Văn Chân</p>
	<b>2.3. Thực tập nghề nghiệp</b>			
64.	<b>Thực tập sư phạm 1</b>	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT	<b>0/60/120</b>	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		thông qua học tập các kiến thức nghiệp vụ cơ bản; viết các báo cáo về tình hình ở trường phổ thông; tham gia dự giờ chuyên môn và chủ nhiệm; thực hành soạn giáo án và tập giảng một số tiết cụ thể.		
65.	<b>Thực tập sư phạm 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng thành thạo những tri thức khoa học chuyên ngành và tri thức giáo dục được trang bị ở trường đại học vào hoạt động giáo dục thực tiễn ở trường thực tập.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học; kế hoạch giáo dục cá nhân; kế hoạch dự giờ; chương trình hoạt động giáo dục... theo học kì/năm học.</li> <li>- Thực hành giảng dạy và tham gia trực tiếp thực hiện vai trò của giáo viên chủ nhiệm.</li> </ul>	<b>0/150/300</b>	
<b>IV. KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HP THAY THẾ</b>				
66.	<b>Khóa luận</b>	Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về một vấn đề cụ thể thuộc kiến thức chuyên Giáo dục chính trị được thể hiện qua đề tài mà sinh viên chọn để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học	<b>75/0/150</b>	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
		và trí thức chuyên ngành đã được trang bị để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể. Từ đó, hình thành cho sinh viên thái độ yêu quý và trân trọng những sản phẩm khoa học - công nghệ, có ý thức và niềm say mê tìm tòi, khám phá để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn sau này.		
	<b>1. Các học phần thay thế (dành cho những SV không làm Khóa luận): Sinh viên chọn 2 trên 4 học phần, bao gồm 1 học phần phương pháp và 1 học phần cơ bản</b>			
67.	<b>Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được vai trò, ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử.</li> <li>- Trình bày được các loại đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.</li> <li>- Vận dụng nguyên tắc và biện pháp sư phạm để sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.</li> </ul>	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Đặng Văn Hồ</li> <li>2. TS. Nguyễn Đức Cường</li> </ul>
68.	<b>Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa</b>	- Trình bày được các chủ đề cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lí (khái niệm, quan điểm, lịch sử, tính liên ngành...) và các	<b>30/0/60</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ</li> <li>2. ThS. Nguyễn Thị Hiền</li> </ul>

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/tự học)	Họ tên giảng viên cơ hữu phụ trách
	<b>học giáo dục trong địa lý</b>	phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục cụ thể. - Phân tích được kĩ thuật thực hiện các bước nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lí. - Vận dụng vào việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lí.		
69.	<b>Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam</b>	- Phân tích được bối cảnh lịch sử ra đời. - Trình bày được nội dung của các cuộc cải cách tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam. - Nhận xét được những thành công và hạn chế. - Rút ra được các bài học cho công cuộc đổi mới hiện nay.	<b>45/0/90</b>	1. TS. Thái Quang Trung 2. PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng
70.	<b>Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường</b>	- Trình bày được các kiến thức cơ bản về sử dụng hợp lý tài nguyên đất; tài nguyên rừng; tài nguyên nước; tài nguyên khí hậu; tài nguyên khoáng sản và năng lượng; tài nguyên sinh học; tài nguyên ở vùng cửa sông ven biển; bảo vệ môi trường. - Đề xuất được các biện pháp sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	<b>45/0/90</b>	1. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn 2. TS. Lê Phúc Chi Lăng
<b>TỔNG CỘNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>			<b>136</b>	

(\*): Không kể các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục Thể chất.



## 9. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	TC	Học kỳ học dự kiến								Ghi chú
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>20</b>									
1.	POL01113	Triết học Mác-Lê nin	3	3								
2.	POL01122	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2		2							
3.	POL01132	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2							
4.	POL01142	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
5.	POL01152	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2					
6.	INF91402	Tin học	2	2								
7.	LAN91513	Tiếng Anh A1	2	2								
8.	LAN91522	Tiếng Anh A2	2		2							
9.	LAN91532	Tiếng Anh B1	3			3						
10.	PED91715	Giáo dục thể chất	(5)									
11.	DEF91810	Giáo dục quốc phòng	165t									
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>												
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>19</b>									
12.	PSY92112	Tâm lý học 1	2	2								
13.	PSY92122	Tâm lý học 2	2		2							
14.	PSY92132	Giáo dục học 1	4			2						
15.	PSY92142	Giáo dục học 2					2					
16.	HUC73113	Lịch sử văn minh thế giới	3	3								

STT	Mã học phần	Học phần	TC	Học kỳ học dự kiến								Ghi chú	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII		
17.	PHY91602	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử - Địa lý	2			2							
18.	HUC73122	Lý luận Sử học	2					2					
19.	HUC73132	Bản đồ học	2		2								
20.	HUC73142	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2									
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>85</b>										
<b>a. Bắt buộc</b>			<b>73</b>										
<b>Kiến thức khoa học cơ bản</b>			<b>52</b>										
21.	HIS04113	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3	3									
22.	HIS04123	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	3			3							
23.	HIS04133	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3		3								
24.	HIS04143	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	3				3						
25.	HIS04152	Các cuộc phát kiến địa lý	2			2							
26.	HIS04163	Lịch sử quan hệ quốc tế	3						3				
27.	HIS04172	Chủ nghĩa tư bản cận hiện đại	2					2					
28.	HIS04182	Lịch sử văn minh Việt Nam	2					2					
29.	HIS04192	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2							2			
30.	HIS04212	Thực tế lịch sử - địa lý 1	2					2					
31.	GEO04113	Địa lý tự nhiên đại cương	3(2+1)	3									
32.	GEO04124	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	4		4								

STT	Mã học phần	Học phần	TC	Học kỳ học dự kiến								Ghi chú	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII		
33.	GEO04133	Địa lý tự nhiên các châu lục	3			3							
34.	GEO04143	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3				3						
35.	GEO04153	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3					3					
36.	GEO04164	Địa lý kinh tế Việt Nam	4						4				
37.	GEO04172	Đô thị thế giới và Việt Nam	2							2			
38.	GEO04182	Biển đảo Việt Nam	2					2					
39.	GEO04213	Thực tế lịch sử - địa lý 2	2						2				
<b>Kiến thức nghiệp vụ</b>			<b>21</b>										
40.	HUC73212	Tích hợp và phân hóa trong dạy học Lịch sử - Địa lý	2						2				
41.	HUC73222	Hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử - Địa lý	2				2						
42.	HUC73232	Phát triển chương trình giáo dục Lịch sử - Địa lý	2					2					
43.	HUC73242	Đánh giá kết quả trong dạy học Lịch sử - Địa lý	2						2				
44.	HUC73253	Rèn luyện NVSP thường xuyên	3			3							
45.	HUC73262	Thực hành dạy học	2						2				
46.	HUC73274	Lý luận dạy học Lịch sử - Địa lý	4						4				
47.	HUC73284	Phương pháp dạy học Lịch sử - Địa lý	4							4			
<b>b. Tự chọn (THEO NHÓM)</b>			<b>12</b>										

STT	Mã học phần	Học phần	TC	Học kỳ học dự kiến								Ghi chú	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII		
<b>Nhóm 1: Lịch sử (Chọn 2 trong 6 học phần)</b>													
48.	HIS84112	Nhân học đại cương	2								2		
49.	HIS84122	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương	2								2		
50.	HIS84132	Các cuộc cải cách trong lịch sử thế giới	2								2		
51.	HIS84142	Một số vấn đề triều Nguyễn trong lịch sử	2								2		
52.	HIS84152	Kinh tế Việt Nam thời cận hiện đại	2								2		
53.	HIS84162	Phong trào đô thị ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)	2								2		
<b>Nhóm 2: Địa lý (Chọn 2 trong 6 học phần)</b>													
54.	GEO84212	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2								2		
55.	GEO84222	Địa lý địa phương	2								2		
56.	GEO84232	Phương tiện dạy học địa lý	2								2		
57.	GEO84242	Thiết kế bài dạy học địa lý ở trường phổ thông	2								2		
58.	GEO84252	Hệ thống thông tin địa lý	2								2		
59.	GEO84262	Địa lý thủy văn	2								2		
<b>Nhóm 3: tích hợp liên môn Lịch sử và Địa lý (Chọn 2 trong 4 học phần)</b>													
60.	HUC 84312	Địa lý - lịch sử - văn hóa Đông Nam Á	2								2		
61.	HUC 84322	Giáo dục di sản trong dạy học Lịch sử và Địa lý	2								2		
62.	HUC 84332	Địa lý du lịch	2								2		

STT	Mã học phần	Học phần	TC	Học kỳ học dự kiến								Ghi chú
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
63.	HUC 84342	Toàn cầu hóa - khu vực hóa	2							2		
<b>2.3. Thực tập nghề nghiệp</b>			<b>7</b>									
64.	HUC92252	Thực tập sư phạm 1	2					2				
65.	HUC92285	Thực tập sư phạm 2	5								5	
<b>III. Khoá luận hoặc các HP thay thế</b>			<b>5</b>									
66.	HUC84905	Khóa luận	5								5	
<b>Các học phần thay thế (dành cho những SV không làm Khóa luận):</b>												
<b>Sinh viên chọn 2 trên 4 học phần, bao gồm 1 học phần phương pháp và 1 học phần cơ bản</b>												
67.	HIS84912	Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	2								2	
68.	GEO84912	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lý	2								2	
69.	HIS84923	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	3								3	
70.	GEO84923	Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	3								3	

## 10. Ma trận chuẩn đầu ra

STT	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>											
1.	Triết học Mác - Lê nin	X				X	X		X		X
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	X				X	X		X		X
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X				X	X		X		X
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X				X	X		X		X
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X				X	X		X		X
6.	Tin học				X	X		X	X	X	X
7.	Tiếng Anh A1				X	X		X	X	X	X
8.	Tiếng Anh A2				X	X		X	X	X	X
9.	Tiếng Anh B1				X	X		X	X	X	X
10.	Giáo dục thể chất										
11.	Giáo dục quốc phòng										
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>											
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>											
12.	Tâm lý học 1		X		X	X		X	X		X
13.	Tâm lý học 2		X		X	X		X	X		X
14.	Giáo dục học 1		X		X	X		X	X		X
15.	Giáo dục học 2		X		X	X		X	X		X

STT	Học phần	Chuẩn đầu ra										
		Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9		10
16.	Lịch sử văn minh thế giới			X	X	X		X	X	X		X
17.	Phương pháp NCKH Lịch sử - Địa lý			X	X	X		X	X			X
18.	Lý luận Sử học			X	X	X		X	X			X
19.	Bản đồ học			X	X	X		X	X			X
20.	Cơ sở văn hóa Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>												
<b>a. Bắt buộc</b>												
<b>Kiến thức khoa học cơ bản</b>												
21.	Lịch sử thế giới cổ trung đại			X	X	X		X	X	X		X
22.	Lịch sử thế giới cận - hiện đại			X	X	X		X	X	X		X
23.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại			X	X	X		X	X	X		X
24.	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại			X	X	X		X	X	X		X
25.	Các cuộc phát kiến địa lý			X	X	X		X	X	X		X
26.	Lịch sử quan hệ quốc tế			X	X	X		X	X	X		X
27.	Chủ nghĩa tư bản cận hiện đại			X	X	X		X	X	X		X
28.	Lịch sử văn minh Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
29.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
30.	Thực tế lịch sử - địa lý 1			X	X	X		X	X	X		X

STT	Học phần	Chuẩn đầu ra										
		Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9		10
31.	Địa lý tự nhiên đại cương			X	X	X		X	X	X		X
32.	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương			X	X	X		X	X	X		X
33.	Địa lý tự nhiên các châu lục			X	X	X		X	X	X		X
34.	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới			X	X	X		X	X	X		X
35.	Địa lý tự nhiên Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
36.	Địa lý kinh tế Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
37.	Đô thị thế giới và Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
38.	Biển đảo Việt Nam			X	X	X		X	X	X		X
39.	Thực tế lịch sử - địa lý 2			X	X	X		X	X	X		X
<b>Kiến thức nghiệp vụ</b>												
40.	Tích hợp và phân hóa trong dạy học Lịch sử - Địa lý			X	X	X	X	X	X	X		X
41.	Hoạt động trải nghiệm môn Lịch sử - Địa lý			X	X	X	X	X	X	X		X
42.	Phát triển chương trình giáo dục môn Lịch sử - Địa lý			X	X	X	X	X	X	X		X
43.	Đánh giá kết quả trong dạy học Lịch sử - Địa lý			X	X	X	X	X	X	X		X
44.	Rèn luyện NVSP thường xuyên			X	X	X	X	X	X	X		X
45.	Thực hành dạy học			X	X	X	X	X	X	X		X
46.	Lý luận dạy học Lịch sử - Địa lý			X	X	X	X	X	X	X		X
47.	Phương pháp dạy học Lịch sử - Địa lý			X	X	X	X	X	X	X		X



STT	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>b. Tự chọn (THEO NHÓM)</b>											
<b>Nhóm 1: Lịch sử (Chọn 2 trong 6 học phần)</b>											
48.	Nhân học đại cương			X	X	X		X	X	X	X
49.	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương			X	X	X		X	X	X	X
50.	Các cuộc cải cách trong lịch sử thế giới			X	X	X		X	X	X	X
51.	Một số vấn đề triều Nguyễn trong lịch sử			X	X	X		X	X	X	X
52.	Kinh tế Việt Nam thời cận hiện đại			X	X	X		X	X	X	X
53.	Phong trào đô thị ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)			X	X	X		X	X	X	X
<b>Nhóm 2: Địa lý (Chọn 2 trong 6 học phần)</b>											
54.	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai			X	X	X		X	X	X	X
55.	Địa lý địa phương			X	X	X		X	X	X	X
56.	Phương tiện dạy học địa lý			X	X	X		X	X	X	X
57.	Thiết kế bài dạy học địa lý ở trường phổ thông			X	X	X		X	X	X	X
58.	Hệ thống thông tin địa lý			X	X	X		X	X	X	X
59.	Địa lý thủy văn			X	X	X		X	X	X	X
<b>Nhóm 3: tích hợp liên môn Lịch sử và Địa lý (Chọn 2 trong 4 học phần)</b>											

STT	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
60.	Địa lý - lịch sử - văn hóa Đông Nam Á			X	X	X		X	X	X	X
61.	Giáo dục di sản trong dạy học Lịch sử và Địa lý			X	X	X		X	X	X	X
62.	Địa lý du lịch			X	X	X		X	X	X	X
63.	Toàn cầu hóa - khu vực hóa			X	X	X		X	X	X	X
<b>2.3. Thực tập nghề nghiệp</b>											
64.	Thực tập sư phạm 1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
65.	Thực tập sư phạm 2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>III. Khoá luận hoặc các HP thay thế</b>											
66.	Khóa luận										
	<i>Các học phần thay thế (dành cho những SV không làm Khóa luận):</i>			X	X	X		X	X	X	X
67.	Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông			X	X	X		X	X	X	X
68.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lý			X	X	X		X	X	X	X
69.	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam			X	X	X		X	X	X	X
70.	Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường			X	X	X		X	X	X	X

## **11. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Về phương pháp, phương tiện và tổ chức: Chương trình được biên soạn theo hướng nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường khả năng tự chọn của sinh viên theo các định hướng chuyên ngành, tinh giản giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Chú ý phần cố vấn định hướng cụ thể cho sinh viên lựa chọn các học phần tự chọn theo sở thích, năng lực và mục đích tương lai của người học. Chương trình cũng nhằm đến khả năng phát triển chuyên môn nâng cao của người học và từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Về đánh giá kết quả đào tạo: Thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

